

Số: 24/2016/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 09 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, quy định thời hạn phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 86/TTr- UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020.

Điều 2. Ban hành Quy định thời hạn phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã. Cụ thể như sau:

1. Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra; đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp chậm nhất là 10 ngày trước khi báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết toán ngân sách địa phương để cho ý kiến trước

khi trình Hội đồng nhân dân phiên họp gần nhất chậm nhất là 10 ngày trước khi trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xem xét, phê duyệt.

3. Thời hạn chậm nhất là 31 tháng 7 năm sau, Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp để thẩm tra, tập hợp trình Hội đồng nhân dân phê duyệt theo Luật định.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra VB*);
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo và CV VP HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

(để báo cáo)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hiện

QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia
nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương
năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương áp dụng cho năm ngân sách 2017 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020.

2. Đối tượng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đảm bảo theo các nguyên tắc sau:

1. Ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể.

2. Ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi của tỉnh, hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

3. Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng địa phương.

4. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

5. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm

vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

6. Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các huyện, thị xã, thành phố, giữa các xã, phường, thị trấn.

7. Trong thời kỳ ổn định ngân sách:

a) Không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách;

b) Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định;

c) Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng của ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới;

d) Trường hợp đặc biệt các huyện, thị xã, thành phố có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách huyện, thị xã, thành phố tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách tỉnh. Căn cứ vào tình hình thực tế Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quyết định thu về ngân sách tỉnh số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Trường hợp các huyện, thị xã, thành phố hụt thu so với dự toán cấp trên giao do nguyên nhân khách quan, sau khi đã điều chỉnh giảm một số khoản chi và sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối NSĐP thì ngân sách tỉnh hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách tỉnh.

8. Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:

a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

9. Chỉ ngân sách cấp tỉnh được bội chi; bội chi ngân sách cấp tỉnh chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

10. Kế thừa Nghị quyết số 150/2010/NQ-HĐND ngày 08/12/2010; Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011; Nghị quyết số 88/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014; Nghị quyết số 99/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ THUẾ

Điều 3. Đối với doanh nghiệp đã được phân công cơ quan thuế quản lý từ ngày 09/10/2015 trở về trước, phân cấp quản lý thuế và các khoản nộp ngân sách đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh như sau:

1. Cục thuế tỉnh quản lý thu đối với các doanh nghiệp đạt một trong các điều kiện sau:

- a) Các đơn vị có nhiều chi nhánh, cửa hàng ở các địa phương, đơn vị hoàn thuế;
- b) Đơn vị có số vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng trở lên;
- c) Các đơn vị có doanh số hoạt động từ 10 tỷ đồng trở lên;
- d) Các đơn vị có số nộp ngân sách từ 300 triệu đồng trở lên.

2. Ngoài các doanh nghiệp trên, giao cho Chi cục thuế các huyện, thị xã, thành phố quản lý thu.

Điều 4. Đối với doanh nghiệp được cấp mã số thuế từ ngày 10/10/2015 đến nay và thực hiện theo Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp.

Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư mới hướng dẫn phân công cơ quan thuế quản lý đối với người nộp thuế mà có sự thay đổi so với quy định như trên thì Cục thuế tỉnh có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Chương III

PHÂN CẤP NGUỒN THU

Điều 5. Nguồn thu ngân sách các cấp hưởng 100%

- 1. Ngân sách trung ương (theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước)
- 2. Ngân sách cấp tỉnh

a) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất phi nông nghiệp khác do Cục thuế quản lý thu.

b) Thuế tài nguyên thu từ các doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý, Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Cục thuế quản lý thu;

c) Thu tiền sử dụng đất trụ sở cơ quan, hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc cấp tỉnh quản lý, thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất;

d) Lệ phí môn bài thu từ các doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý, doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Cục thuế quản lý thu;

đ) Thu bán tài sản nhà nước kể cả thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu, đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị tổ chức khác thuộc địa phương quản lý;

e) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý (*sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật*);

g) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

h) Các khoản thu phí, lệ phí (*trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài*) do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý;

i) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

k) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thuộc ngân sách cấp tỉnh;

l) Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh;

m) Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản của doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý, doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Cục thuế quản lý thu (*trừ thành phố Hải Dương, thị xã Chí Linh, huyện Kinh Môn thực hiện cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 99/2014/NQ-HĐND15 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương*);

n) Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp thuộc ngân sách tỉnh;

o) Thu từ phạt vi phạm hành chính, tiền phạt do chậm thi hành quyết định xử phạt do cơ quan nhà nước cấp tỉnh ra quyết định xử phạt;

p) Thu từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước cấp tỉnh ra quyết định xử phạt (*sau khi trừ chi phí theo quy định của pháp luật*);

q) Thu hồi vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý (*bao gồm cả gốc và lãi*);

r) Thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai thuộc cấp tỉnh quản lý;

s) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

t) Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;

u) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật của đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

ur) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

v) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang;

x) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

y) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

3. Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (*gọi chung là ngân sách cấp huyện*).

a) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất phi nông nghiệp khác do Chi cục thuế huyện, thị xã, thành phố quản lý thu;

b) Thuế tài nguyên thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Chi cục thuế huyện, thị xã, thành phố quản lý thu;

c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ các doanh nghiệp;

d) Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy và các phương tiện khác do Chi cục thuế huyện thu;

đ) Lệ phí môn bài thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Chi cục thuế huyện (*trừ cá nhân, hộ kinh doanh*), thu từ cá nhân, hộ kinh doanh ở phường thuộc thành phố, thị xã quản lý thu;

e) Các khoản thu phí, lệ phí (*trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài*) do các cơ quan, đơn vị huyện, thị xã, thành phố quản lý thu;

g) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thuộc ngân sách huyện, thị xã, thành phố;

h) Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố;

i) Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản của khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Chi cục thuế huyện, thị xã, thành phố quản lý thu (*trừ thành phố Hải Dương, thị xã Chí Linh,*

huyện Kinh Môn thực hiện cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 99/2014/NQ-HĐND15 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương);

k) Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp thuộc ngân sách huyện, thị xã, thành phố;

l) Thu từ phạt vi phạm hành chính, tiền phạt do chậm thi hành quyết định xử phạt do cơ quan nhà nước cấp huyện ra quyết định xử phạt;

m) Thu từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước cấp huyện ra quyết định xử phạt (*sau khi trừ chi phí theo quy định của pháp luật*);

n) Thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý;

o) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật của đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý;

p) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;

q) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang;

r) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

4. Ngân sách xã, phường, thị trấn (*gọi chung là ngân sách cấp xã*).

a) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị thu tại các xã, thị trấn;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình;

c) Thu tiền đất dôi dư;

d) Lệ phí môn bài thu hộ cá nhân, hộ kinh doanh thuộc địa bàn xã, thị trấn;

đ) Lệ phí trước bạ nhà đất thu trên địa bàn xã, thị trấn;

e) Các khoản thu phí, lệ phí (*trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài*) do các cơ quan, đơn vị xã, phường, thị trấn quản lý thu;

g) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác;

h) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thuộc ngân sách xã, phường, thị trấn;

i) Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách xã, phường, thị trấn;

k) Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp thuộc ngân sách xã, phường, thị trấn;

l) Thu từ phạt vi phạm hành chính, tiền phạt do chậm thi hành quyết định xử phạt do cơ quan nhà nước cấp xã ra quyết định xử phạt;

m) Thu từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước cấp xã ra quyết định xử phạt (*sau khi trừ chi phí theo quy định của pháp luật*);

n) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật của đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quản lý;

o) Thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai thuộc xã, phường, thị trấn quản lý.

p) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

- q) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang;
- r) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

Điều 6. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách

- a) Thuế giá trị gia tăng (*trừ thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu*);
- b) Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- c) Thuế thu nhập cá nhân;
- d) Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước;
- đ) Thuế bảo vệ môi trường;
- e) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị thu tại phường thuộc thành phố, thị xã;
- g) Thu tiền sử dụng đất của các dự án trên địa bàn; đất trụ sở cơ quan, hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc cấp huyện quản lý, thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của các đơn vị thuộc cấp huyện quản lý, thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất thu (*trừ thành phố Hải Dương, thị xã Chí Linh, huyện Kinh Môn thực hiện cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 99/2014/NQ-HĐND15 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương*); thu tiền đất xen kẹt; thu tiền sử dụng đất thuộc khu vực xã, thị trấn;
- h) Lệ phí trước bạ nhà đất thu trên địa bàn phường thuộc thành phố, thị xã;
- i) Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy và các phương tiện khác do Chi cục thuế thành phố, thị xã thu;
- k) Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- l) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Chương IV PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 7. Nhiệm vụ chi của Ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển
 - a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Đầu tư xây dựng các chương trình, dự án do cấp tỉnh quản lý;
 - b) Chi hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính theo qui định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.
 - c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do tỉnh quản lý theo qui định của pháp luật.
2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị do cấp tỉnh quản lý trong các lĩnh vực:
 - a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

- b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;
- c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- d) Sự nghiệp văn hóa thông tin;
- đ) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;
- e) Sự nghiệp thể dục thể thao;
- g) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- h) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính, các hoạt động kinh tế khác do cấp tỉnh quản lý;
- i) Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên công sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân ở cấp tỉnh;
- k) Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở tỉnh theo qui định của pháp luật;
- l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do tỉnh quản lý;
- m) Các khoản chi thường xuyên khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau ngân sách cấp tỉnh.

Điều 8. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Đầu tư xây dựng các chương trình, dự án do cấp huyện quản lý;

b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị do cấp huyện quản lý trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo (*Bao gồm chi của các trường tiểu học, trung học cơ sở, mầm non, Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện*);

b) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

c) Sự nghiệp văn hóa thông tin;

d) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

đ) Sự nghiệp thể dục thể thao;

e) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

g) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính, các hoạt động kinh tế khác do cấp huyện quản lý;

h) Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên công sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân ở cấp huyện;

i) Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở huyện theo qui định của pháp luật;

k) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý;

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;

3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau ngân sách cấp huyện.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của Ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển.

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Đầu tư xây dựng các chương trình, dự án do cấp xã quản lý;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp, viện trợ của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án theo qui định của pháp luật do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên do cấp xã quản lý

a) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cấp xã;

b) Sự nghiệp văn hóa thông tin;

c) Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh;

d) Sự nghiệp thể dục thể thao;

d) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

e) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo

g) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính, các hoạt động kinh tế khác do cấp xã quản lý;

h) Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên công sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân ở cấp xã;

i) Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở xã theo qui định của pháp luật;

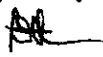
k) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý;

- l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;
 - m) Chi sửa chữa bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, kết cấu hạ tầng do xã quản lý; các sự nghiệp kinh tế do xã quản lý;
 - n) Các khoản chi thường xuyên khác ở cấp xã theo qui định của pháp luật.
3. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành, cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 11. Thời gian thực hiện: từ niên độ ngân sách 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020./. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hiến



PHỤ LỤC

TỶ LỆ (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP

NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Theo Nghị quyết số: 24/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương)

TT	Các khoản thu	Tổng thu NSNN (%)	Tỷ lệ phân chia nguồn thu			
			Ngân sách trung ương %	Ngân sách cấp tỉnh %	Ngân sách cấp huyện %	Ngân sách cấp xã %
A	CÁC KHOẢN THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU					
1	Thuế Giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu	100	100			
2	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	100	100			
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt từ hàng hoá nhập khẩu, bao gồm cả thuế Tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước	100	100			
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	100	100			
5	Các khoản thu khác	100	100			
B	CÁC KHOẢN THU NỘI ĐỊA					
1	Thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu)					
1.1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	2	98		
1.2	Thu từ Doanh nghiệp nhà nước địa phương					
a	Do Cục thuế thu trên địa bàn huyện	100	2	98		
b	Do Chi cục thuế quản lý thu	100	2		98	
1.3	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh					
a	Do Cục thuế thu trên địa bàn huyện	100	2	98		
b	Do Chi cục thuế quản lý thu	100	2		98	
	<i>Riêng:</i>					
	- Cá nhân, hộ kinh doanh ở phường thuộc TP Hải Dương, TX Chí Linh	100	2		68	30
	- Cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn thị trấn thuộc các huyện	100	2		48	50
	- Cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn xã thuộc các huyện, thành phố, thị xã	100	2		18	80
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp					
2.1	Thu từ Doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	2	98		
2.2	Thu từ Doanh nghiệp nhà nước địa phương					
a	Do Cục thuế thu trên địa bàn huyện	100	2	98		
b	Do Chi cục thuế quản lý thu	100	2		98	
2.3	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh					
a	Do Cục thuế thu trên địa bàn huyện	100	2	98		
b	Do Chi cục thuế quản lý thu	100	2		98	

TT	Các khoản thu	Tổng thu NSNN (%)	Tỷ lệ phân chia nguồn thu			
			Ngân sách trung ương %	Ngân sách cấp tỉnh %	Ngân sách cấp huyện %	Ngân sách cấp xã %
3	Thuế thu nhập cá nhân					
3.1	Cục thuế quản lý thu	100	2	98		
3.2	Chi cục thuế huyện, thành phố, thị xã quản lý thu	100	2	48	50	
	<i>Riêng:</i>					
	- Cá nhân, hộ kinh doanh ở phường thuộc TP Hải Dương, TX Chí Linh	100	2		68	30
	- Cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn thị trấn thuộc các huyện	100	2		48	50
	- Cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn xã thuộc các huyện, thành phố, thị xã	100	2		18	80
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước					
4.1	Cục thuế tỉnh quản lý thu	100	2	98		
4.2	Chi cục thuế các huyện, thành phố, thị xã thu	100	2		98	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
5.1	Cục thuế tỉnh quản lý thu	100	2	98		
	Cục thuế quản lý thu trên địa bàn Thành phố, thị xã, huyện Kinh Môn (trừ thu từ xăng dầu) (theo Nghị quyết số 99/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)	100	2		98	
5.3	Chi cục thuế huyện, thành phố, thị xã quản lý thu	100	2		98	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
6.1	Đối với đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị					
	Thu tại xã, thị trấn	100				100
	Thu tại phường thuộc thành phố, thị xã	100		50	50	
6.2	Đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đất phi nông nghiệp khác.					
	Cục thuế quản lý thu	100		100		
	Chi cục thuế huyện, thành phố, thị xã quản lý thu	100			100	
7	Thuế tài nguyên					
7.1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do Cục thuế thu	100		100		
7.2	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh					
a	Do Cục thuế quản lý thu	100		100		
b	Do Chi cục thuế huyện, thành phố, thị xã quản lý thu				100	
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thu từ hộ gia đình	100				100
	- Thu từ các doanh nghiệp	100			100	
9	Thu tiền sử dụng đất (trừ Thành phố Hải Dương, Thị xã Chí Linh, huyện Kinh Môn thực hiện cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 99/2014/NQ-HĐND15 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương);					
9.1	Ghi thu các khoản chi phí đối trừ từ tiền sử dụng đất trước (*) khi đấu giá (gồm chi phí GPMB, xây dựng CSHT, ...)					

TT	Các khoản thu	Tỷ lệ phân chia nguồn thu			
		Tổng thu (NSNN)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
			Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
			%	%	%
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100	100	100	100
	Đơn vị thuộc địa phương xử lý	100	100	100	100
	Đơn vị thuộc trung ương xử lý	100	100	100	100
	định của pháp luật	100	100	100	100
	thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy	100	100	100	100
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước	100	100	100	100
	Đơn vị thuộc địa phương quản lý, góp vốn	100	100	100	100
	Đơn vị thuộc trung ương quản lý, góp vốn	100	100	100	100
	nghiệp có vốn nhà nước	100	100	100	100
	sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc của doanh	100	100	100	100
	Thu bán tài sản nhà nước kể cả thu chuyển nhượng quyền	100	100	100	100
	Tiền thuế đất, thuế mặt nước	100	100	100	100
	- Thu cá nhân, hộ kinh doanh thuộc địa bàn xã, thị trấn	100	100	100	100
	- Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh ở phường thuộc thành phố, thị x	100	100	100	100
	- Chi cục thuế huyện thu; (Trừ cả nhân, hộ kinh doanh)	100	100	100	100
	- Cục thuế thu	100	100	100	100
Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	100	100	100	100	
12.2	có vốn đầu tư nước ngoài do Cục thuế thu	100	100	100	100
12.1	Doanh nghiệp nhà nước trung ương (kể cả đơn vị hạch toán	100	100	100	100
toàn ngành), doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp	100	100	100	100	
12	Lệ phí môn bài	100	100	100	100
11.2	Chi cục thuế huyện thu	100	100	100	100
11.1	Chi cục thuế Thanh phố, thị xã thu	100	100	100	100
11	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy và các phương tiện khác	100	100	100	100
10.2	Thu trên địa bàn xã, thị trấn	100	100	100	100
10.1	Thu trên địa bàn phường thuộc thành phố, thị xã	100	100	100	100
10	Lệ phí trước bạ nhà đất	100	100	100	100
- Đất thuộc Thành phố Hai Dương, Thị xã Chí Linh	100	100	100	100	100
- Đất thuộc khu vực xã	100	100	100	100	100
- Đất thuộc khu vực thị trấn	100	100	100	100	100
9.6	Đất còn lại tại huyện (Trừ mục 9.2;9.3;9.4;9.5)	100	100	100	100
- Đất xen kẽ	100	100	100	100	100
- Đất dôi dư	100	100	100	100	100
9.5	Thu tiền đất dôi dư, xen kẽ	100	100	100	100
9.4	Đất trụ sở cơ quan, hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc cấp	100	100	100	100
huyện quản lý, thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất	100	100	100	100	100
9.3	Đất trụ sở cơ quan, hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc cấp tỉnh	100	100	100	100
quản lý, thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất	100	100	100	100	100
9.2	Đất của các dự án trên địa bàn	100	100	100	100
- Do xã, thị trấn, phường thực hiện	100	100	100	100	100
- Do huyện, thành phố, thị xã thực hiện	100	100	100	100	100
- Do cấp tỉnh thực hiện	100	100	100	100	100

TT	Các khoản thu	Tổng thu NSNN (%)	Tỷ lệ phân chia nguồn thu			
			Ngân sách trung ương %	Ngân sách cấp tỉnh %	Ngân sách cấp huyện %	Ngân sách cấp xã %
17	Các loại phí & lệ phí (trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)					
	Đơn vị Trung ương quản lý	100	100			
	Đơn vị tỉnh quản lý	100		100		
	Đơn vị huyện, thành phố, thị xã quản lý	100			100	
	Đơn vị xã, phường, thị trấn quản lý	100				100
18	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước	100		100		
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	100				100
20	Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật					
	Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100		100		
	Thuộc ngân sách huyện, thành phố, thị xã	100			100	
	Thuộc ngân sách xã, phường, thị trấn	100				100
21	Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức và cá nhân					
	Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100		100		
	Thuộc ngân sách huyện, thành phố, thị xã	100			100	
	Thuộc ngân sách xã, phường, thị trấn	100				100
22	Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản (trừ Thành phố Hải Dương, Thị xã Chí Linh, huyện Kinh Môn thực hiện cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 99/2014/NQ-HĐND15 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)					
22.1	Doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100		100		
22.2	Doanh nghiệp nhà nước địa phương và khu vực ngoài quốc doanh trên địa bàn do Cục thuế quản lý thu	100		100		
22.3	Do Chi cục thuế thu	100			100	
23	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
	Giấy phép do trung ương cấp	100	70	20	10	
	Giấy phép do địa phương cấp	100		70	30	
24	Thu viện trợ không hoàn lại					
	- Thuộc ngân sách tỉnh	100		100		
	- Thuộc ngân sách huyện, thành phố, thị xã	100			100	
	- Thuộc ngân sách xã, phường, thị trấn	100				100
25	Thu phạt, tịch thu					
25.1	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, tiền phạt do chậm thi hành quyết định xử phạt					
	- Cơ quan nhà nước trung ương ra quyết định xử phạt	100	100			
	- Cơ quan nhà nước cấp tỉnh ra quyết định xử phạt	100		100		
	- Cơ quan nhà nước cấp huyện ra quyết định xử phạt	100			100	
	- Cơ quan nhà nước cấp xã ra quyết định xử phạt	100				100
25.2	Thu từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính (sau khi trừ chi phí theo quy định của pháp luật)					
	- Cơ quan nhà nước trung ương ra quyết định xử phạt	100	100			

TT	Các khoản thu	Tổng thu NSNN (%)	Tỷ lệ phân chia nguồn thu			
			Ngân sách trung ương %	Ngân sách cấp tỉnh %	Ngân sách cấp huyện %	Ngân sách cấp xã %
	- Cơ quan nhà nước cấp tỉnh ra quyết định xử phạt	100		100		
	- Cơ quan nhà nước cấp huyện ra quyết định xử phạt	100			100	
	- Cơ quan nhà nước cấp xã ra quyết định xử phạt	100				100
26	Các khoản thu hồi vốn (bao gồm cả gốc và lãi)					
	- Ngân sách trung ương	100	100			
	- Ngân sách địa phương	100		100		
27	Thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai					
	- Thuộc cấp tỉnh quản lý			100		
	- Thuộc huyện, thành phố, thị xã quản lý				100	
	- Thuộc xã, phường, thị trấn quản lý					100
28	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100		100		
29	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật	100		100		
30	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật					
	Đơn vị thuộc tỉnh quản lý	100		100		
	Đơn vị thuộc huyện, thành phố, thị xã quản lý	100			100	
	Đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quản lý	100				100
31	Thu kết dư ngân sách					
	- Ngân sách cấp tỉnh	100		100		
	- Ngân sách cấp huyện	100			100	
	- Ngân sách cấp xã	100				100
32	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
	- Ngân sách cấp tỉnh	100		100		
	- Ngân sách cấp huyện	100			100	
	- Ngân sách cấp xã	100				100
33	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	100		100		

Ghi chú:

- Danh mục, mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh Hải Dương ban hành.
- Thu tiền sử dụng đất của các Dự án điều tiết ngân sách huyện, thành phố, thị xã: Các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm cấp lại cho các xã, phường, thị trấn có dự án thu tiền sử dụng đất trên địa bàn xã, phường, thị trấn 10% (trong tổng số 100% số tiền thu sử dụng đất của dự án nộp ngân sách) nhưng tối đa không quá 20 tỷ đồng.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG